TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-PT
Ngày 10/9/2020
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Tân

Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án lý số 15/2019/HNGĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2020 về việc " *Ly hôn, tranh chấp nuôi con".* Do bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 18/2020/HNGĐ-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2020/QĐXXPT - HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐ-PT ngày 12/8/2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Q, sinh năm 1984.

ĐKHKTT: số 214B phố Q, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương;

Hiện trú tại: Đội 4 thôn G, xã B, huyện H, tỉnh Hải Dương (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Tống Văn B, sinh năm 1982;

ĐKHKTT và trú tại: số 214B phố Q, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương (có mặt).

3.Người kháng cáo: Chị Lê Thị Q – Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố H, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo nguyên đơn chị Lê Thị Q trình bày: Chị và anh Tống Văn B được tự do tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 6 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) phường Q, thành phố H. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống hạnh phúc khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B hay uống bia rượu dẫn đến say, đi làm không có thu nhập lo cho vợ con. Cuộc sống giữa chị và anh B mất thăng bằng; Về tình cảm chị không còn tình cảm với anh B; Về kinh tế giữa chị và anh B đã phân định anh đi làm đóng góp tiền ăn và chi phí khác cho mẹ anh B, còn chị lo đóng tiền học cho các con nên anh B

không đưa tiền cho chị. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở tại đội 4 thôn G, xã B, huyện H, tỉnh Hải Dương sinh sống từ tháng 2 năm 2020. Sau đó mẹ chồng chị có 1 lần đến nói chuyện với bố mẹ chị để khuyên chị quay lại nhưng chị xác định không còn tình cảm với anh B nên chị không về. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh Tống Văn B có 02 con chung là Tống Lê Tuấn H sinh ngày 04/5/2007 và Tống Lê Đức D, sinh ngày 24/10/2014. Ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi cháu Tống Lê Đức D còn anh B nuôi dưỡng cháu Tống Lê Tuấn H, thời gian tính từ tháng 6 năm 2020 đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bị đơn anh Tống Văn B trình bày: Anh và chị Lê Thị Q có đăng ký kết hôn tại UBND phường Q, thành phố Hải Dương vào 30 tháng 6 năm 2006. Sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, vợ chồng không bao giờ xảy ra cãi, đánh nhau. Thỉnh thoảng anh có uống bia rượu, do anh bị cắt một phần dạ dày, sức khỏe kém nên khi uống rượu hay bị say có nghỉ việc, đây cũng là lỗi của anh, nhưng từ khi chị Q có đơn ly hôn anh đã sửa chữa không uống bia rượu nữa. Từ khi chị Q bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở vào thứ bẩy, chủ nhật anh có đưa các con về quê ngoại để gặp gỡ chị Q nói chuyện nhưng chị Q đều không muốn nói chuyện. Anh vẫn thường xuyên liên lạc với chị Q, có nói chuyện để chị Q cho anh một cơ hội sửa sai nhưng chị Q không có ý kiến gì và vẫn đề nghị ly hôn. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Q nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Vũ Thị Q có 02 con chung như chị Q trình bày. Anh không nhất trí ly hôn nên không có quan điểm về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 18/2020/HNGĐ-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H đã áp dụng Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Q ly hôn anh Tống Văn B. Về quan hệ nuôi con không đặt ra giải quyết.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/6/2020 chị Q kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử cho chị được ly hôn anh B.

Tại phiên tòa chị Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh B giữ nguyên quan điểm tha thiết xin được đoàn tụ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Q, giữ

nguyên bản án sơ thẩm số 18/2020/HNGĐ-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà xem xét quan điểm của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Lê Thị Q kháng cáo trong thời gian luật định, nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Xét kháng cáo của chị Lê Thị Q, Hội đồng xét xử thấy: Chị Q kháng cáo cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên không thể chung sống với anh B. Tuy nhiên bản thân chị Q cũng xác nhận lý do chị có đơn xin ly hôn anh B là do anh B uống rượu bia say, ngoài ra không có mâu thuẫn nào khác. Qua xác minh tại gia đình anh B cũng như khu dân cư nơi anh chị sinh sống cho thấy, thực tế trong cuộc sống anh chị không có mâu thuẫn, anh B và chị Q chưa từng đánh cãi nhau. Đối với anh B đã nhận thấy việc uống rượu say là không đúng và đã thay đổi. Anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và tha thiết mong chị Q quay về chung sống, vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái. Hội đồng xét xử thấy, anh B và chị Q kết hôn với nhau từ năm 2006 và đã có 1 thời gian dài chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 chị Q mới có đơn xin ly hôn anh B. Tuy nhiên mâu thuẫn vợ chồng mà chị Q đưa ra là không lớn. Sau khi chị Qúi có đơn xin ly hôn, anh B đã thay đổi với mục đích mong chị Q vay về chung sống với anh và các con. Đặc biệt sau khi chị Q về nhà bố mẹ đẻ sinh sống thì anh B vẫn thường xuyên cùng các con về nhà ông bà ngoại để gặp gỡ, thuyết phục chị Q. Như vậy tình cảm của anh B là chân thành. Bản thân chị Q có đơn xin ly hôn nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh vợ chồng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q là có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm chị Q cũng không đưa ra được căn cứ nào khác chứng minh mâu thuẫn vợ chồng nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của chị Q.

Sau thời hạn 1 năm nếu hai bên không khắc phục, cải thiện được tình cảm vợ chồng thì chị Q tiếp tục có quyền khởi kiện xin ly hôn anh B.Chị Q kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị Q. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 18/2020/HNGĐ-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương như sau:

Căn cứ Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25-11-2015; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về hôn nhân*: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Q ly hôn anh Tống Văn B.

2. *Về án phí phúc thẩm:* Chị Lê Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm, nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị Q đã nộp theo biên lai số AA/2018/0001215 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Lê Thị Q đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKS tỉnh Hải Dương*
- *TAND Thành phố H;*
- *Chi cục THA thành phố H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền